

# ĐỔI MỚI VÀ ỔN ĐỊNH TRONG TIẾN TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THEO QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

NGUYỄN QUỐC ĐOÀN  
Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 10/12/2025. Sửa chữa xong 22/01/2026. Duyệt đăng 27/01/2026.

## Abstract

Social innovation can be broadly defined as the process of replacing outdated elements with new, superior, and more progressive ones in order to meet the objective demands of social development in a timely manner. Social stability refers to a state of operation within a law-governed order in specific historical contexts, manifested through harmonious and balanced interactions among the core pillars of politics, economics, culture, and society. Innovation and stability exist in a unified dialectical relationship as two interconnected dimensions of social development. Innovation drives qualitative transformation by creating momentum for evolution and constitutes an essential prerequisite for restructuring stability at a higher level.

**Keywords:** Economic stability, market economy, political system, social innovation, state management.

## 1. Đặt vấn đề

Trong quy luật vận động của xã hội, đổi mới và ổn định không phải là hai yếu tố tách rời mà là những mặt bổ trợ cho nhau, tạo nên chỉnh thể thống nhất của quá trình phát triển. Việc nhận thức đúng đắn và vận dụng linh hoạt mối quan hệ này có ý nghĩa sống còn đối với Việt Nam nhằm đảm bảo lộ trình tăng trưởng không chỉ bền vững về kinh tế mà còn mang đậm tính nhân văn, lấy con người làm hạt nhân cốt lõi. Về mặt thực tiễn, kể từ mốc lịch sử Đại hội VI (1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định đổi mới là động lực chính để thúc đẩy đất nước thoát khỏi khủng hoảng và tạo dựng sự ổn định xã hội cần thiết. Hành trình này luôn được dẫn dắt bởi một tinh thần nhất quán: mọi bước đi của đổi mới và phát triển đều phải gắn chặt với định hướng XHCN, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và xây dựng CNXH. Để cụ thể hóa tư tưởng đó, Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 đã nâng tầm nhận thức này thành một nguyên tắc chiến lược. Đảng nhấn mạnh yêu cầu phải quản trị tốt các mối quan hệ lớn, trong đó việc điều phối nhịp nhàng giữa đổi mới, ổn định và phát triển được coi là trụ cột trọng tâm. Đây chính là cái gốc, là nền tảng vững chắc để từ đó giải quyết hiệu quả các mối quan hệ phức tạp khác trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH tại Việt Nam.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái quát về phạm trù đổi mới và ổn định trong sự phát triển xã hội

#### 2.1.1. Phạm trù đổi mới trong sự phát triển xã hội

Đổi mới được hiểu là việc chuyển đổi hoặc cải tiến nhằm đạt được trạng thái tiến bộ hơn, đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của thực tiễn. Tuy nhiên, từ lăng kính của chủ nghĩa siêu hình, đổi mới bị đẩy cực đoan thành việc kiến tạo những giá trị hoàn toàn tách biệt với tiền đề cũ. Cách tiếp cận này yêu cầu sự đoạn tuyệt tuyệt đối với lịch sử, coi sự phát triển là một tiến trình không có xung đột, dẫn đến tư duy phủ nhận sạch trơn quá khứ - một quan điểm phi thực tế và thiếu chiều sâu về sự vận động xã hội. Ngược lại, thế giới quan biện chứng duy vật khẳng định đổi mới là một cuộc đấu tranh nội tại giữa cái

Email: doan.nguyenquoc@hust.edu.vn

mới và cái cũ, giữa sự kế thừa và việc loại bỏ. Đây không phải là sự đứt gãy mà là sự thống nhất giữa tính liên tục và gián đoạn. Bản chất của sự đổi mới này chính là đặc tính vốn có trong mọi quy luật phát triển, từ thế giới tự nhiên cho đến đời sống xã hội và tư duy con người.

Đổi mới thực chất là một cuộc chuyển động không ngừng, nơi diễn ra sự va chạm quyết liệt giữa các mặt đối lập: cái cũ lỗi thời và cái mới hiện đại, sự trì trệ bảo thủ và tinh thần văn minh, tiến bộ, hay giữa tư duy máy móc và óc sáng tạo. Bản chất của quá trình này là một “quá trình đấu tranh gay go, lâu dài, phức tạp nhằm đem lại thắng lợi cho cái mới, cái tiến bộ...”, là sự thay đổi từ nhận thức đến hành động thực tiễn” [7, tr. 46]. Tuy nhiên, đổi mới không đồng nghĩa với việc thay đổi mù quáng; nó đòi hỏi một nhãn quan lịch sử - cụ thể để xem xét thấu đáo từng bối cảnh thực tế. Trong hành trình đó, những nỗ lực năng động và đột phá luôn phải đối mặt với sức ỳ từ những tập quán cũ và những rào cản tâm lý đã bám rễ sâu từ trước. Đổi mới cần được nhìn nhận như một tất yếu khách quan trong quy luật vận động và tiến hóa của mọi sự vật. Dù không phải là một cuộc cách mạng xã hội theo nghĩa hẹp nhưng đổi mới lại mang trong mình tầm vóc của một cuộc cách mạng bởi khả năng tạo ra những bước chuyển mình mang tính đột phá và thiết lập nên một mô hình phát triển hoàn toàn mới. Điểm khác biệt cốt yếu là đổi mới có khả năng tác động và làm biến chuyển tận gốc rễ, từ cơ sở đến những nguyên nhân nội tại của xã hội. Trong khi đó, cải cách dù có thể tạo ra những thay đổi về mặt chất nhưng lại chưa thể chạm tới hoặc làm thay đổi những nền tảng và căn nguyên sâu xa bên trong của hệ thống xã hội.

Đổi mới không đồng nghĩa với việc xóa bỏ hoàn toàn quá khứ. Thay vào đó, đây là quá trình gạn đục khơi trong: kiên quyết loại bỏ những yếu tố lỗi thời nhưng đồng thời trân trọng và giữ gìn những giá trị vẫn còn sức sống để thay thế bằng những nội dung tiến bộ hơn. Việc thay đổi cách tư duy và phương thức hành động không thể thực hiện một cách mù quáng, bởi trong cái cũ luôn tồn tại những hạt nhân hợp lý cần được bảo tồn. Thái độ phủ định tuyệt đối sẽ dễ dẫn đến những sai lầm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan hoặc tư duy siêu hình cực đoan. Thực chất, cái mới mà chúng ta hướng tới không nhất thiết phải đối lập hoàn toàn với mọi thứ đang diễn ra mà phải là cái mới kết tinh từ thành tựu khoa học hiện đại, đáp ứng đúng đòi hỏi của thời đại và vượt trội hơn hẳn so với tiền đề trước đó. Đổi mới không chỉ dừng lại ở việc thay thế mà còn bao gồm việc tích hợp thêm các nhân tố mới vào thực tại sẵn có hay thổi những nội dung tân tiến vào các hình thái cũ nhằm mở rộng năng lực vận động của chúng. Ở góc độ quản lý xã hội, đây là quá trình thanh lọc quyết liệt những rào cản đang kìm hãm sự đi lên của cộng đồng. Đích đến của công cuộc đổi mới mang tính toàn diện này chính là sự phát triển của con người, tạo không gian tối ưu cho quyền tự do và năng lực sáng tạo của nhân dân. Đặc biệt, đổi mới còn đóng vai trò như một bộ lọc tri thức: giúp chúng ta đính chính những hiểu lầm về quá khứ, đồng thời nhận diện lại những giá trị từng là đúng đắn nhưng nay đã không còn phù hợp trước sự biến chuyển của thời đại.

Như vậy, đổi mới xã hội có thể được định nghĩa một cách khái quát là quá trình thay thế những yếu tố cũ đã lỗi thời bằng những nhân tố mới ưu việt và tiến bộ hơn, nhằm đáp ứng kịp thời các đòi hỏi khách quan của sự vận động xã hội. Kể từ dấu mốc Đại hội VI (1986), khái niệm đổi mới đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam chính thức hóa, xuất hiện với tần suất lớn trong hệ thống văn kiện và nghị quyết. Qua thời gian, thuật ngữ này không chỉ lan tỏa sâu rộng trong giới học thuật mà còn trở thành ngôn ngữ đời thường của mọi tầng lớp nhân dân. Sức ảnh hưởng của nó lớn đến mức nhiều tài liệu quốc tế đã giữ nguyên từ đổi mới như một danh từ riêng để chỉ đặc thù của tiến trình phát triển tại Việt Nam. Đảng ta đã có bước chuyển biến quan trọng: từ những quan điểm mang tính rời rạc ở giai đoạn đầu, đến nay đổi mới đã được nâng tầm thành một chiến lược mang tính tổng thể, bao quát mọi phương diện của đời sống xã hội trong lộ trình xây dựng CNXH.

Nét đặc thù của đổi mới tại Việt Nam là quá trình thay thế mô hình cũ bằng mô hình mới chất lượng và hoàn thiện hơn để thích ứng với bối cảnh hiện đại. Trọng tâm của quá trình này là thay đổi tư duy và kinh tế nhằm tạo bước tiến mới cho CNXH mà vẫn đảm bảo ổn định chính trị. Hoạt động đổi mới tại Việt Nam được vận hành bởi sự tương tác hữu cơ giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Trong đó, năng lực quản trị và sự đồng thuận xã hội là những nhân tố quyết định thành bại. Trọng tâm của tiến trình

này không phải là thay đổi mục tiêu chính trị mà là cuộc cách mạng về tư duy và phương thức phát triển nhằm tối ưu hóa con đường đi lên CNXH trong bối cảnh đặc thù của dân tộc. Đặc biệt, đổi mới lý luận được xác định là khâu đột phá, tạo tiền đề định hình lại các mô hình về kinh tế thị trường, văn hóa và con người trong thời kỳ quá độ. Quá trình đổi mới thực chất là sự tự điều chỉnh hệ hình tri thức, thông qua việc bài trừ những định kiến lỗi thời để tiếp biến tri thức khoa học và kinh nghiệm thực tiễn vào bối cảnh dân tộc. Trọng tâm của sự chuyển đổi này là bước ngoặt từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Sự thay đổi về chất này khẳng định vị thế bình đẳng của các thành phần kinh tế, xác lập vai trò nhiệm vụ trung tâm của phát triển kinh tế, đồng thời hướng tới xác lập một cơ cấu tăng trưởng bền vững và hiệu quả trong thời kỳ quá độ “Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm...có hiệu quả và bền vững” [4, tr. 75].

Công cuộc đổi mới tại Việt Nam là một tiến trình chuyển đổi hệ thống toàn diện với các đặc trưng cốt lõi sau: Chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hóa sang mô hình thị trường định hướng XHCN, đi đôi với việc hiện đại hóa bộ máy chính trị và đổi mới tư duy văn hóa để thích ứng với hội nhập. Mọi cải cách về phương thức lãnh đạo hay quản lý nhà nước đều giữ vững cốt lõi XHCN, lấy con người làm chủ thể động lực và là thước đo giá trị cao nhất. Tiến trình được triển khai từ kinh tế đến chính trị - xã hội thông qua sự phối hợp nhịp nhàng giữa chỉ đạo chiến lược từ cấp cao và tính năng động tự thân của cơ sở. Sức mạnh của sự nghiệp này dựa trên khối đại đoàn kết dân tộc, đảm bảo tính hệ thống và hóa giải các sai lầm chủ quan nhằm đạt tới mục tiêu phát triển bền vững.

### 2.1.2. Phạm trù ổn định trong sự phát triển xã hội

Thông thường, ổn định được hiểu là trạng thái duy trì cấu trúc hiện hữu của sự vật, hiện tượng khi chưa xảy ra biến đổi về chất. Trong lăng kính triết học, khái niệm này tương đồng với phạm trù đứng im tương đối hay vận động trong trạng thái cân bằng. Theo quan điểm duy vật biện chứng, mặc dù vận động là phương thức tồn tại tuyệt đối của vật chất nhưng đứng im chính là hình thái đặc thù của vận động tại một thời điểm nhất định. Trạng thái cân bằng tạm thời này không phủ định sự vận động mà là tiền đề tất yếu để sự vật định hình bản sắc, tạo điều kiện cho các quá trình phân hóa vật chất và hình thành sự sống trong những mối tương quan cụ thể.

Sự ổn định xã hội được hiểu là trạng thái cân bằng động, tương ứng với phạm trù đứng im tương đối trong triết học Mác-Lênin. Thay vì kim hãm, sự ổn định đóng vai trò là nền tảng hài hòa, đảm bảo tiến trình vận động diễn ra đúng hướng và có tính kế thừa. Dưới nhãn quan biện chứng, ổn định và phát triển không mâu thuẫn mà là hai mặt gắn bó hữu cơ, giúp xã hội chuyển hóa từ cái cũ sang cái mới một cách nhịp nhàng mà không gây ra sự đứt gãy hay phủ nhận sạch trơn các giá trị hợp lý. Sự ổn định xã hội là mắt xích trung gian mang tính biện chứng: vừa là thành quả của quá trình phát triển trước đó, vừa là tiền đề cho những biến đổi kế tiếp. Theo quy luật phủ định của phủ định, trạng thái ổn định không bất biến mà liên tục chuyển hóa và tái thiết lập ở trình độ cao hơn, tương ứng với sự vận động đi lên của thực tiễn xã hội. Việc tách rời ổn định và phát triển là cái nhìn siêu hình, cực đoan. Thực tế, ổn định không phải là sự trì trệ, bất biến mà là trạng thái cân bằng động được thiết lập từ sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, chính trị và xã hội. Trong mối quan hệ biện chứng, đổi mới dù phá vỡ trạng thái tĩnh của cái cũ nhưng lại là tiền đề để kiến tạo một sự ổn định ở trình độ cao hơn. Do đó, ổn định luôn chứa đựng nhu cầu đổi mới, và đổi mới chính là phương thức để duy trì sự ổn định bền vững.

Từ những lập luận trên, có thể xác lập định nghĩa: Ổn định xã hội là trạng thái vận hành trong một trật tự hợp quy luật tại các bối cảnh lịch sử nhất định. Trạng thái này biểu hiện thông qua sự tương tác hài hòa và cân bằng giữa các trụ cột cốt lõi gồm chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội trong tiến trình vận động chung. Sự ổn định xã hội đích thực phải gắn liền với trạng thái cân bằng động giữa chính trị, kinh tế vĩ mô và các phương diện dân sinh “Bao gồm cả ổn định chính trị, ổn định kinh tế vĩ mô và ổn định xã hội” [5, tr. 343]. Đây không phải là kết quả của việc áp đặt quyền lực hay cưỡng chế hành chính - vốn chỉ tạo ra sự ổn định giả tạo và tiềm ẩn nguy cơ xung đột gay gắt. Ngược lại, ổn định bền vững chính là biểu hiện của sự phát triển ở trình độ cao, nơi các mâu thuẫn được giải quyết thông qua sự vận động hài hòa thay vì bị kim nén. Nền tảng của sự ổn định quốc gia được thiết lập thông qua sự cộng hưởng của tăng trưởng kinh tế, công

bằng xã hội và thượng tôn pháp luật. Trong đó, việc đảm bảo đời sống dân sinh và củng cố niềm tin chiến lược của nhân dân đóng vai trò then chốt; đó chính là nguồn lực cốt lõi để duy trì trật tự xã hội và tạo đà cho công cuộc đổi mới thiết lập những trạng thái ổn định mới cao hơn.

Sự ổn định xã hội tại Việt Nam là một hệ thống nhất quán, dựa trên ba trụ cột chính: Kinh tế - Là nền tảng vật chất, duy trì thông qua quản trị vĩ mô bền vững và vận hành linh hoạt theo quy luật thị trường. Chính trị - Là hạt nhân định hướng, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trên con đường XHCN. Văn hóa - Là động lực nội sinh và nền tảng tinh thần, kết hợp giữa bảo tồn bản sắc dân tộc với tiếp thu tinh hoa nhân loại. Như vậy, ổn định xã hội là sự gắn kết chặt chẽ giữa kinh tế, chính trị và văn hóa dưới một cơ chế quản trị thống nhất, đóng vai trò là hệ điều tiết và mục tiêu cốt lõi cho sự phát triển bền vững.

## **2.2. Mối quan hệ hữu cơ giữa đổi mới và ổn định ở Việt Nam hiện nay**

*2.2.1. Đổi mới và ổn định tồn tại trong mối quan hệ biện chứng hợp nhất, là hai phương diện thống nhất của quá trình vận động và phát triển xã hội*

Trong chỉnh thể vận động xã hội, đổi mới và ổn định hợp thành mối quan hệ tương hỗ biện chứng, đóng vai trò là tiền đề và điều kiện tồn tại cho nhau. Trong khi đổi mới biểu hiện cho sự biến đổi đột phá, ổn định xác lập trạng thái cân bằng và trật tự cần thiết. Sự giao thoa này tạo nên động lực phát triển: ổn định kiến tạo môi trường thuận lợi cho cải cách, ngược lại, những thành quả từ đổi mới chính là nền tảng cốt yếu để tái lập và củng cố sự ổn định ở trình độ cao hơn. Trong lăng kính triết học, đổi mới và ổn định là cặp phạm trù biện chứng phản ánh sự thống nhất giữa vận động và đứng im tương đối. Quá trình này không phải là sự phủ định tuyệt đối mà mang tính kế thừa lịch sử, nơi cái mới nảy sinh từ việc lọc lựa và phát triển những giá trị hợp lý của cái cũ. Theo quan điểm hình thái kinh tế - xã hội, cả đổi mới và ổn định đều vận động theo quy luật lịch sử - tự nhiên, trong đó con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể chủ động điều tiết sự cân bằng và biến đổi của trật tự xã hội. Trong tiến trình vận động xã hội, đổi mới và ổn định là hai trạng thái song hành và chuyển hóa lẫn nhau: ổn định là môi trường cho cải cách, trong khi đổi mới là phương thức tái lập trật tự ở trình độ cao hơn. Mối quan hệ này đòi hỏi sự cân bằng tinh tế; bởi lẽ, việc tuyệt đối hóa đổi mới dễ dẫn đến sự xáo trộn cực đoan, phiêu lưu, còn việc sùng bái ổn định thuần túy sẽ gây ra tình trạng trì trệ, suy thoái. Do đó, việc duy trì sự ổn định ngay trong quá trình phá bỏ cái lỗi thời chính là nghệ thuật quản trị xã hội nhằm đạt tới sự phát triển bền vững. Trong tiến trình vận động xã hội, đổi mới và ổn định là hai thành tố hữu cơ phản ánh tính chất của sự phát triển: trong khi đổi mới đóng vai trò xác lập sự biến đổi thì ổn định định vị trạng thái tồn tại hiện thời của hệ thống. Quá trình này không diễn tiến theo đường thẳng mà vận động theo quy luật vòng xoáy tròn ốc, kinh qua những giai đoạn thăng trầm và quanh co để không ngừng đưa xã hội tiến tới các nấc thang phát triển cao hơn. Như vậy, đổi mới và ổn định tồn tại trong mối quan hệ biện chứng, vừa là tiền đề, vừa là động lực thúc đẩy lẫn nhau trong một chỉnh thể vận động xã hội thống nhất. Ổn định xác lập môi trường trật tự cho cải cách, trong khi đổi mới là phương thức tất yếu để phá vỡ sự trì trệ và tái lập trạng thái cân bằng ở trình độ cao hơn theo quy luật xoáy tròn ốc. Việc giải quyết hài hòa mối quan hệ này chính là chìa khóa để duy trì sự phát triển bền vững, tránh rơi vào các thái cực cực đoan của sự nóng vội hay bảo thủ.

*2.2.2. Đổi mới là phương thức chuyển hóa về chất, xác lập động lực cho sự tiến hóa và là tiền đề tất yếu để tái cấu trúc trạng thái ổn định ở một trình độ cao hơn*

Trong mối quan hệ biện chứng này, đổi mới giữ vai trò chủ đạo là động lực và phương thức tạo ra sự phát triển, trong khi ổn định đóng vai trò là môi trường và điều kiện nền tảng để hiện thực hóa các mục tiêu đổi mới đó. Trong tiến trình vận động xã hội, đổi mới đóng vai trò là phương thức và điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng. Sự phát triển nảy sinh từ đổi mới là nền tảng duy nhất giúp đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của con người, từ đó thiết lập trạng thái ổn định tích cực. Ngược lại, sự trì trệ trong phát triển sẽ dẫn đến bế tắc và phá vỡ sự ổn định do không đáp ứng được những đòi hỏi khách quan của đời sống xã hội. Thành quả từ đổi mới là nền tảng vật chất và kỹ thuật để củng cố sự ổn định toàn diện. Quá trình này thay thế trật tự cũ bằng một trạng thái ổn định mới ở trình độ cao

hơn, đảm bảo xã hội phát triển liên tục. Tuy nhiên, hiệu quả của sự ổn định này phụ thuộc hoàn toàn vào tính đúng đắn và sự phù hợp quy luật của các chính sách đổi mới.

Mục tiêu cốt lõi của đổi mới là sự phát triển toàn diện vì con người, vượt trên các chỉ số kinh tế thuần túy. Tiến trình này tập trung vào việc cải cách thể chế để thúc đẩy tăng trưởng, xóa đói giảm nghèo, thu hẹp bất bình đẳng và bảo vệ môi trường bền vững. Để tạo dựng sự ổn định và phát triển bền vững, phương thức hiệu quả nhất là thường xuyên đổi mới nhằm loại bỏ yếu tố lạc hậu và kế thừa các giá trị phù hợp. Quá trình này đòi hỏi việc giải quyết triệt để các mâu thuẫn nảy sinh từ tư duy đến thực thi chính sách, từ đó củng cố nền tảng kinh tế vĩ mô, ổn định chính trị và niềm tin của nhân dân. Chính sự hài hòa này sẽ kiến tạo môi trường thuận lợi, bảo đảm cho công cuộc đổi mới đạt được thành công toàn diện.

Đổi mới là tiền đề tất yếu cho sự ổn định bền vững. Đổi mới là tiến trình vận động liên tục, đóng vai trò khởi nguồn và kiến tạo nền tảng cho sự ổn định. Việc đổi mới đồng bộ trên mọi phương diện (kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội) không chỉ đáp ứng nhu cầu phát triển tất yếu của con người mà còn thiết lập một môi trường hài hòa. Chính sự ổn định bền vững này sẽ trở thành điều kiện lý tưởng để triển khai các chiến lược cải cách sâu rộng và toàn diện hơn. Việc giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định là yêu cầu cốt yếu để đảm bảo sự phát triển bền vững và đúng quy luật. Tuyệt đối hóa đổi mới dễ dẫn đến sự xáo trộn nóng vội, phiêu lưu; ngược lại, sùng bái ổn định thuần túy sẽ gây ra tình trạng trì trệ, suy thoái. Vì vậy, đổi mới phải đóng vai trò tiên phong để loại bỏ rào cản, kiến tạo cái mới, từ đó thiết lập trạng thái ổn định ở trình độ cao hơn. Đây là nguyên tắc quản trị quan trọng đòi hỏi các quyết sách phải phù hợp với thực tiễn và lòng dân để tiến trình cải cách đạt hiệu quả tối ưu. Trong tiến trình đổi mới, con người đóng vai trò song trùng: vừa là chủ thể kiến tạo, vừa là mục tiêu thụ hưởng cao nhất. Quá trình này khởi nguồn từ việc cách tân tư duy và tự đổi mới bản thân cá nhân để thúc đẩy sự chuyển hóa toàn diện hệ thống xã hội. Việc khơi thông tiềm năng sáng tạo và xác lập sự đồng thuận của nhân dân, kết hợp với năng lực quản trị chiến lược của Đảng và Nhà nước chính là nhân tố quyết định khả năng giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định để đạt tới các giá trị nhân văn hơn.

### 3. Kết luận

Đổi mới là tiến trình thay thế các yếu tố lỗi thời bằng những nhân tố tiến bộ, đóng vai trò là phương thức chuyển hóa về chất nhằm đáp ứng quy luật vận động khách quan. Song hành với đó, ổn định xã hội không phải là trạng thái tĩnh tại mà là sự vận hành cân bằng động giữa các trụ cột chính trị, kinh tế, văn hóa và dân sinh trong một trật tự hợp quy luật. Trong chính thể thống nhất, đổi mới và ổn định tồn tại dưới dạng mối quan hệ tiền đề và động lực: Ổn định là môi trường: Thiết lập trật tự và điều kiện nền tảng để hiện thực hóa các mục tiêu cải cách. Đổi mới là phương thức: Phá vỡ sự trì trệ để tái lập trạng thái cân bằng ở trình độ cao hơn theo quy luật xoáy tròn ốc. Sự kết hợp này xác lập động lực cho sự tiến hóa, giúp xã hội bứt phá nhưng vẫn duy trì được tính hệ thống bền vững. Việc giải quyết hài hòa mối quan hệ này chính là chìa khóa để tránh các thái cực cực đoan như nóng vội, chủ quan hay bảo thủ, trì trệ. Kể từ Đại hội VI (1986), tư duy đổi mới của Đảng đã không còn là những bước đi đơn lẻ mà đã nâng tầm thành chiến lược tổng thể toàn diện. Tiến trình này không chỉ trở thành biểu tượng đặc thù của Việt Nam trong mắt quốc tế mà còn là kim chỉ nam vững chắc cho lộ trình xây dựng CNXH trong thời đại mới.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập* (tập 20, 1994). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập* (tập 21, 1994). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] *C.Mác và Ph.Ăngghen Toàn tập* (tập 23, 1994). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Xuân Thắng, Vũ Văn Phúc, Phạm Văn Đức, Nguyễn Linh Khiếu (đồng chủ biên, 2013). *Văn kiện Đại hội XI của Đảng - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Phú Trọng (chủ biên, 2011). *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Văn Cư (2004). *Ổn định chính trị - xã hội trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] Phạm Quý Thọ (2015). *Kinh tế Việt Nam - 30 năm chuyển đổi*. NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.